

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Trương Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đinh Minh V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố TC 2, phường TQB, TX HN, tỉnh BÐ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố TC 2, phường TQB, TX HN, tỉnh BÐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Minh V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ánh T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TQB. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian. Thời gian gần đây hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tin tưởng, chị T bỏ bê gia đình, không còn tình cảm với nhau. Nay anh yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn chị Nguyễn Thị Ánh T.

Về nuôi con chung: Anh V yêu cầu nuôi 01 con chung tên Đinh Hữu T, sinh năm 2019. Anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án yêu cầu chị T có mặt tại Tòa để làm việc nhưng chị T vẫn vắng mặt, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đinh Minh V. Giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Anh V nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe công bố lời trình bày của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đinh Minh V có đơn khởi kiện ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh T có nơi thường trú tại khu phố TC 2, phường TQB, thị xã HN, tỉnh BD. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn không có mặt tại Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn anh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh V và chị T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án yêu cầu chị Tuyết có mặt tại Tòa để làm việc nhưng chị T vẫn không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hiện vợ chồng anh V, chị T đã không còn quan tâm nhau, không ai có một

biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh V yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V.

[4] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu của anh V được nuôi con chung là cháu Đình Hữu T, sinh ngày 09/6/2019. Trên thực tế, hiện nay anh V cũng đang là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo ổn định về mọi mặt cho cháu, ghi nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tại phiên Tòa hôm nay là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đình Minh V, anh V được ly hôn chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Về con chung: Giao cháu Đình Hữu T, sinh ngày 09/6/2019 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa không xét.

- Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai thu số 0001698 ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

- Về quyền kháng cáo: Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận bản án hoặc từ ngày được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. HN;
- CC THA dân sự TX. HN;
- Các đương sự;
- UBND P. TQB;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Vương